

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo
theo phương pháp tiếp cận đa chiều huyện Ngọc Hôi năm 2019**

Thực hiện Công văn số 1761/SLĐT BXH-BTXH ngày 13/12/2019 của Sở Lao động- TBXH tỉnh Kon Tum về việc đề nghị báo cáo kết quả rà soát, xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2019 và báo cáo kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều tỉnh Kon Tum năm 2019;

Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hôi báo cáo kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo năm 2019, như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIẢM NGHÈO THEO PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN ĐA CHIỀU NĂM 2019

1. Công tác chỉ đạo điều hành triển khai thực hiện Đề án.

Sau khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 24-8-2016 về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 về việc ban hành Đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020 ban hành; Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể phổ biến đến toàn thể CBCC và Nhân dân trên địa bàn huyện về giảm nghèo đa chiều. Đồng thời, xây dựng chương trình 63-CTr/HU ngày 10-11-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 24-8-2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020.

Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành các kế hoạch triển khai cụ thể¹ trong đó chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách, dự án, tiểu dự án giảm nghèo theo hướng bền vững; tăng cường khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo theo hướng đa chiều, nhằm khơi dậy ý thức vươn lên thoát nghèo của người dân; đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia huyện Ngọc Hôi giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 77/QĐ- UBND ngày 13/3/2018 của UBND huyện Ngọc Hôi. Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thành lập, kiện toàn Ban chỉ

¹ Kế hoạch số 1646/KH-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện; Kế hoạch 310/KH-UBND ngày 11/3/2019 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; Kế hoạch 558/KH-UBND ngày 02/5/2019 của UBND huyện về triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2019; Kế hoạch 866/KH-UBND ngày 12/6/2019 của UBND huyện về kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều trên địa bàn huyện năm 2019.

đạo giảm nghèo cấp xã, thị trấn; phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong Ban Chỉ đạo CTMTQG của huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện chương trình giảm nghèo đối với các xã, thị trấn trên địa bàn kịp thời, đúng quy định. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành có liên quan, UBND các xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo trên địa bàn khá đồng bộ, kịp thời, đúng đối tượng.

2. Kết quả thực hiện Đề án giảm nghèo năm 2019

2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2.1.1. Dự án 2: Chương trình 135

Tổng số kinh phí ngân sách Trung ương bố trí thực hiện dự án 2 trên địa bàn huyện năm 2019 là 6.096.000.000 đồng. Trong đó, vốn đầu tư phát triển 4.579.000.000 đồng; vốn sự nghiệp 1.517.000.000 đồng. Đến nay, đã giải ngân 3.611.000.000 đồng.

a. Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã, thôn còn khó khăn

- Tổng số vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, gồm các hạng mục như nâng cấp nước tự chảy, làm đường giao thông nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2019 là 4.579.000.000 đồng². Trong đó, đầu tư mới 05 công trình; chuyển tiếp 03 công trình. Đến nay đã giải ngân 2.446.000.000 đồng do cấp xã làm chủ đầu tư.

- Tổng số vốn hỗ trợ duy tu bảo dưỡng công trình cho 05 xã là 333.000.000 đồng.³ Đến nay đã giải ngân 233.000.000 đồng.

b. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn.

Tổng số vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo năm 2019 là 1.184.000.000 đồng, bao gồm hỗ trợ phân bón, bình phun thuốc trừ sâu, bò sinh sản, sâm dây...⁴. Đến nay, các xã đang triển khai làm hồ sơ thanh toán dự án hoàn thành, đã giải ngân 932.000.000 đồng.

2.1.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 135.

Tổng số vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo 2019 cho các xã ngoài Chương trình 135 là 65.000.000 đồng, bao gồm hỗ trợ phân bón⁵. Đến nay đã giải ngân 65.000.000 đồng.

2.1.3. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

² Đăk Dục 946.000.000 đồng, Đăk Xú 846.000.000 đồng, Sa Loong 946.000.000 đồng, Pờ Y 846.000.000 đồng, Đăk Ang 995.000.000 đồng.

³ Đăk Dục 69.000.000 đồng, Đăk Xú 62.000.000 đồng, Sa Loong 69.000.000 đồng, Pờ Y 62.000.000 đồng, Đăk Ang 71.000.000 đồng.

⁴ Đăk Dục 245.000.000 đồng, Đăk Xú 219.000.000 đồng, Sa Loong 245.000.000 đồng, Pờ Y 219.000.000 đồng, xã Đăk Ang 256.000.000 đồng.

⁵ Thị trấn Plei kản 23.000.000 đồng, Đăk Kan 21.000.000 đồng, Đăk Nông 21.000.000 đồng.

Tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ truyền thông tin về giảm nghèo là 220.000.000 đồng⁶. Đến nay đã giải ngân 82.000.000 đồng.

Trong năm 2019, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền xây dựng Kế hoạch truyền thông tin về giảm nghèo; xây dựng chương trình truyền hình và chương phát thanh về chính sách giảm nghèo. Thường xuyên củng cố hệ thống thông tin cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân. Đã tổ chức tuyên truyền, cổ động bằng hình thức phát sóng truyền hình địa phương 103 chương trình, 42 tấm băng rôn, 290 tấm pa nô các loại...

- Số phương tiện nghe xem được hỗ trợ cho hộ nghèo dân tộc ít người và hộ người có công thuộc diện hộ nghèo năm 2019 là 08 hộ.

2.1.4. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá

Tổng số vốn ngân sách trung ương hỗ trợ nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá là: 55.000.000đồng⁷. Đến nay đã giải ngân 28.000.000đ. UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Lao động- TBXH huyện Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án giảm giảm trên địa bàn. Trong năm, đã triển khai 03 đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá tại các xã, thị trấn⁸.

2.2. Các dự án, chính sách, chương trình hỗ trợ giảm nghèo

2.2.1 Chính sách ưu đãi tín dụng

- Chính sách hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ nghèo là 367 hộ, với tổng số tiền là 16.213.000.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ cận nghèo là 671 hộ, với tổng số tiền là 31.239.000.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ thoát nghèo là 92 hộ, với tổng số tiền là 4.393.000.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ vay vốn đối với học sinh, sinh viên là 24 hộ, với tổng số tiền là 323.490.000 đồng.

- Chính sách cho vay hộ dân tộc thiểu số theo quyết định 2085/2016/QĐ-TTg là 17 hộ, với tổng số tiền 815.000.000 đồng.

2.2.2. Chính sách về giáo dục

- Chính sách miễn học phí cho học sinh theo Nghị định 145, NĐ 86 là 909 em, với tổng số tiền 165.006.500đ

- Chính sách giảm học phí cho học sinh theo Nghị định 86 là 512 em, với tổng số tiền 58.074.400đ

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định 86 là 1.215 em, với tổng số tiền 1.076.100.000đ

⁶ Đăk Ang 12.000.000đồng, Đăk Dục 72.000.000đồng, Đăk Xú 29.000.000đồng, Sa Loong 48.000.000đồng, Pờ Y 59.000.000đồng.

⁷ Đăk Ang 13.000.000 đồng, Đăk Dục 11.000.000 đồng, Đăk Xú 10.000.000đồng, Sa Loong 11.000.000đồng, Pờ Y 10.000.000đồng.

⁸ BCD chương trình MTQG huyện 01 đợt; HOND huyện 01 đợt; Ủy ban MTTQVN huyện 01 đợt.

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho học sinh theo Nghị định 06 là 699 em, với tổng số tiền 884.449.000đ.

- Chính sách hỗ trợ cho giáo viên theo Nghị định 86 là 24 người, với tổng số tiền 97.200.000đ

- Chính sách hỗ trợ cho học sinh theo Nghị định 57 là 118 em, với tổng số tiền 692.856.000đ

- Chính sách hỗ trợ cho học sinh theo Thông tư Liên tịch 42 là 51 em, với tổng số tiền 577.728.000đ

- Chính sách hỗ trợ cho học sinh theo Nghị định 116 là 681em, với tổng số tiền 4.386.786.500đ

- Chính sách hỗ trợ học phí cho sinh viên theo Nghị định 86 là 04 em, với tổng số tiền 17.650.000đ.

- Chính sách hỗ trợ nội trú cho sinh viên theo Quyết định 53 là 03 em, với tổng số tiền 20.896.000đ.

2.2.3. Chính sách về Bảo hiểm y tế

Triển khai cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, cận nghèo năm 2019 trên địa bàn huyện gồm 2.895 thẻ; trong đó, hộ nghèo 2.220 thẻ, hộ cận nghèo 675 thẻ.

2.2.4. Chính sách về nhà ở

Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ vốn vay làm nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg là 55 hộ, với tổng số tiền là 1.375.000.000 đồng. Hỗ trợ làm nhà ở từ Quỹ vì người nghèo: không

2.2.5. Chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt hợp vệ sinh

Trong năm 2019, chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt hợp vệ sinh: không.

2.2.6. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn

- Theo **Quyết định 2085/QĐ-TTg**: Tổng kinh phí được cấp năm 2019 là 1.005.000.000đồng, trong đó: Ngân sách trung ương 826.000.000đồng (*kế hoạch giao năm 2019 là 472 triệu đồng, kinh phí chuyển nguồn 2018 sang 354 triệu đồng*) và ngân sách địa phương 179.000.000đồng (*kế hoạch 2019 là 90 triệu đồng, chuyển nguồn 89 triệu đồng*). Đến nay đã giải ngân 656.500.000đồng. Trong đó, ngân sách Trung ương 477.500.000đồng và ngân sách địa phương 179.000.000 đồng. Tổng số hộ được hỗ trợ là 179 hộ thiếu đất sản xuất, số tiền 179 triệu đồng; 215 hộ thiếu nước sinh hoạt, số tiền 322,5 triệu đồng; 31 hộ chuyển đổi ngành nghề, số tiền 155 triệu đồng.

2.2.7. Đề án giải quyết đất chồng lấn, đất lấn chiếm

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên & Môi trường khắc phục, xử lý 14 trường hợp có hành vi lấn chiếm đất rừng sản xuất tại tiểu khu 183, 184 thôn Iệt, xã Bờ Y, với tổng diện tích 17,8 ha.

2.2.8. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội

Tổng số hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện là 759 hộ, với số tiền 446.194.000 đồng⁹.

2.2.9. Các chính sách khác

- Hỗ trợ gạo cứu đói cho hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019 là 15.000kg gạo cho 626 hộ với 1.000 khẩu (định mức 15kg/khẩu).

- Về đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Công tác lao động, việc làm, dạy nghề đã được quan tâm triển khai thực hiện. Các hoạt động tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm, ngày càng thu hút nhiều lao động tham gia. Thông qua các kênh vay vốn giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tuyển dụng lao động của các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ ... , cụ thể:

- Đã giải quyết việc làm cho 118 lao động, thông qua kênh vay vốn giải quyết việc làm. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 14 lớp, với 464 học viên tham gia (trong đó: 03 lớp phi nông nghiệp 89 học viên; 11 lớp nông nghiệp 375 học viên, đạt tỷ lệ 103% kế hoạch giao 464/450).

Tổng số vốn hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 là 986.000.000đồng (Nghề nông nghiệp 776 triệu đồng; nghề phi nông nghiệp 210 triệu đồng).

- Xuất khẩu lao động

Thực hiện công tác tuyên truyền, tư vấn về xuất khẩu lao động trên địa bàn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được phép xuất khẩu lao động tuyển dụng lao động sang làm việc có thời hạn ở nước ngoài, chủ yếu là lao động nữ nông thôn chưa qua đào tạo nghề. Đã xuất khẩu lao động sang Ả Rập Xê Út là 30 người. Tổ chức tuyên truyền về việc làm, dạy nghề, xuất khẩu lao động được tổ chức cho 8 xã, thị trấn có khoảng 400 người tham gia.

3. Hoạt động của đội ngũ Cộng tác viên giảm nghèo

Các xã, thị trấn đều có cộng tác viên giảm nghèo, nhiệm vụ của cộng tác viên giảm nghèo được quy định tại Quyết định số 29/ QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của UBND tỉnh Kon Tum và Công văn số 446/ SLĐT BXH-BTXH ngày 29/3/2018 của Sở Lao động - TBXH tỉnh Kon Tum hướng dẫn một số nội dung trong công tác hợp đồng cộng tác viên giảm nghèo cấp xã.

4. Kết quả thực hiện Đề án

- Tổng số hộ nghèo năm cuối năm 2018 là 976 hộ, chiếm tỷ lệ 5,88%; số hộ nghèo cuối năm 2019 là 791 hộ, chiếm tỷ lệ 4,96% (giảm 0,92% so với năm 2018; hộ cận nghèo 679 hộ, tỷ lệ 4,26% (tăng 09 hộ cận nghèo tương ứng tỷ lệ tăng 0,22% so với năm 2018).

- 100% xã có trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân; 55,55% tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia (20/36 trường).

- 100% hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

⁹ Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập 759 hộ, số tiền 223.146.000đ; hộ chính sách xã hội 0 hộ.

- Có hơn 40% lao động qua đào tạo; có 78,4% người trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THCS trở lên; 37,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Đăk Nông, Đăk Kan; Pờ Y*).

- Đến cuối năm 2019 số hộ nghèo giảm 185 hộ so với năm 2018.

- 90% cán bộ công chức cấp xã, đoàn thể, thôn trưởng được tham gia tập huấn về kỹ năng quản lý các chương trình, dự án; 90% các hộ dân thuộc địa bàn xã, thị trấn được tiếp cận thông tin về tình hình phát triển KT-XH thông qua kênh phát thanh, truyền hình; sách, ấn phẩm truyền thông...

Nhìn chung, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thông qua các nguồn vốn được hỗ trợ người dân đã nhận thức về phương thức sản xuất mới trong phát triển kinh tế sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là người dân đã biết lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp nâng cao năng suất lao động, ý thức tự vươn lên thoát nghèo của người dân thay đổi rõ rệt đã giúp họ giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống.

5. Đánh giá chung

5.1. Thuận lợi

- Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và sự phối hợp thường xuyên của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

- Nhận thức của nhân dân nói chung và người nghèo, người dân tộc thiểu số nói riêng đã có chuyển biến mạnh mẽ, có ý thức tự vươn lên thoát nghèo. Trong đợt điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 đã có 11 hộ nghèo và 09 hộ cận nghèo tự nguyện làm Đơn xin thoát nghèo, thoát cận nghèo (*xã Pờ Y 12 hộ; xã Đăk Xú 08 hộ*), kết quả đó chính là sự nỗ lực tuyên truyền, vận động của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện trong năm qua.

5.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a. Tồn tại, hạn chế.

- Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững; việc huy động các nguồn lực từ cộng đồng còn hạn chế. Các mô hình giảm nghèo tại một số địa bàn xã chưa thực sự phát huy tác dụng; công tác nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả còn chậm.

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị chưa phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện các dự án; tiến độ lập dự án hàng năm của UBND các xã, thị trấn còn chậm so với quy định.

b. Nguyên nhân

- *Khách quan:* Là huyện miền núi, biên giới nên điều kiện kinh tế - xã hội huyện còn những khó khăn nhất định.

- *Chủ quan:* Các đơn vị được giao triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 của huyện chưa thực sự phát huy tích cực vai trò tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, truyền thông

về giảm nghèo. Một bộ phận nhân dân, người nghèo còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, ý thức vươn lên thoát nghèo chưa cao.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các Dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã được ngân sách bố trí vốn giai đoạn 2016-2020.

2. Tập trung nguồn lực, ưu tiên đầu tư về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, nhà vệ sinh,... cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo tăng khả năng tiếp cận với các nhu cầu xã hội cơ bản.

3. Làm tốt công tác tuyên truyền về giảm nghèo bền vững; nâng cao nhận thức của người dân không trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước; phát huy vai trò, trách nhiệm của các phòng, ban chuyên môn trong công tác giảm nghèo đa chiều; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chương trình mục tiêu giảm nghèo. Đồng thời, triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách giảm nghèo.

4. Thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo; chú trọng công tác xuất khẩu lao động, nâng cao chất lượng dạy nghề cho lao động nông thôn đảm bảo theo kế hoạch. Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các Dự án trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

5. Lồng ghép việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Theo Công văn số 192/SLĐTBXH-BTXH ngày 16/02/2017 hướng dẫn về việc tuyển chọn cộng tác viên giảm nghèo trên địa bàn huyện, thành phố: quy định cộng tác viên giảm nghèo phải là trưởng hoặc phó của tổ chức đoàn thể cấp xã. Hiện tại một số xã trưởng hoặc phó các đoàn thể cấp xã đã lớn tuổi, hiệu quả công việc không cao, nên đề nghị cấp tỉnh xem xét mở rộng phạm vi hợp đồng Cộng tác viên giảm nghèo cấp xã là đối tượng cán bộ không chuyên trách cấp xã, để cấp xã bố trí cán bộ phù hợp để hoạt động giảm nghèo hiệu quả hơn.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều năm 2019 của huyện Ngọc Hồi ./.

Nơi nhận :

- Sở Lao động- TBXH tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCĐCTMTQG huyện;
- Lưu:VT. TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Văn Tuyên